UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2019/QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 20 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất; số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu Kinh tế, Khu Công nghệ cao; số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ các Thông tư: số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017

của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu Kinh tế, Khu Công nghệ cao; số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và số 11/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;

Căn cứ Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định về giá đất, bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Theo thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 547b/HĐND-VP ngày 20/12/2019 và đề nghị của Sở Tài chính tại: Tờ trình số 609/TTr-STC ngày 29/11/2019, Tờ trình số 668/TTr-STC ngày 20/12/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và 18 Phụ lục hệ số điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn 18 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020 và thay thế Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Website Chính phủ;
- Cục KT văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: TN&MT, TC (b/c);
- TTTU, HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, Tòa án ND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPTU, VP HĐND và VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Quảng Nam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- Công báo tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, TH, KGVX, NC, KTN, KTTH (03).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Trí Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 25/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất để áp dụng trong các trường hợp sau:

1. Đối với trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng để xác định tiền sử dụng đất đối với:

a) Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

b) Tổ chức được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

c) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

d) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức;

đ) Xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

2. Đối với trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng đối với đất nằm ngoài Khu kinh tế mở Chu Lai; dưới 30 tỷ đồng đối với đất nằm trong Khu kinh tế mở Chu Lai, để xác định:

a) Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm đối với trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản;

b) Đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá;

c) Đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai;

d) Đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai;

đ) Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước;

e) Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm cho chu kỳ ổn định tiếp theo đối với thửa đất hoặc khu đất được Nhà nước cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản.

3. Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm (không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản).

4. Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê đất theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm.

Trường hợp, thửa đất hoặc khu đất thuộc đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lợi đặc biệt, có lợi thế trong việc sử dụng đất thì cơ quan được giao chủ trì xác định giá có trách nhiệm phối hợp với địa phương, các ngành có liên quan khảo sát, kiểm tra, đề xuất, gửi Sở Tài chính tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá đất cụ thể khởi điểm để tổ chức đấu giá; đồng thời Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cập nhật, tổng hợp các mức giá tại các vị trí có hệ số tăng cao và có văn bản trình bổ sung hoặc sửa đổi hệ số điều chỉnh giá đất, gửi Sở Tài chính kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Xác định đơn giá thuê đất làm cơ sở xác định số tiền thuê đất phải nộp trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư được quy định tại Khoản 1 Điều 2 và Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ.

6. Làm cơ sở để quản lý thu thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; đơn vị vũ trang nhân dân; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất.

b) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất, giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

c) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp:

a) Đối với trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) từ 20 tỷ đồng trở lên.

b) Đối với trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) từ 20 tỷ đồng trở lên đối với đất nằm ngoài Khu kinh tế mở Chu Lai; từ 30 tỷ đồng trở lên đối với đất nằm trong Khu kinh tế mở Chu Lai (trừ trường hợp xác định đơn giá thuê đất không phải là loại đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản).

c) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

d) Trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp do mua của người khác, do trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất (gọi tắt là k) được xác định bằng tỷ lệ giữa giá đất phổ biến trên thị trường tại thời điểm xác định với giá đất trong Bảng giá đất do UBND tỉnh công bố.

Điều 4. Bảng hệ số điều chỉnh giá đất tại địa phương

1. Hệ số điều chỉnh giá đất (k) áp dụng đối với nhóm đất nông nghiệp: 1,0.

2. Hệ số điều chỉnh giá (k) áp dụng đối với nhóm đất phi nông nghiệp của 18 huyện, thị xã, thành phố (có 18 bảng Phụ lục kèm theo).

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan xác định vị trí đất của các thửa đất hoặc khu đất chưa được xác định tại các Bảng giá đất công bố áp dụng cho thời kỳ 2020 - 2024 và đề xuất mức giá phù hợp, gửi Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể để thẩm định;

b) Định kỳ 6 tháng đầu năm, cuối năm tổng hợp, báo cáo tình hình biến động giá đất trên thị trường tại địa phương hoặc báo cáo đột xuất do một số vị trí đất, loại đường phố có những thay đổi quy hoạch, do đầu tư nâng cấp hoặc xây dựng mới kết cấu hạ tầng hoặc tại thời điểm xác định giá đất cụ thể xét thấy hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này chưa phù hợp, gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan khảo sát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh lại hệ số điều chỉnh giá đất phù hợp với thực tế thị trường.

2. Cơ quan Thuế:

a) Căn cứ vào Bảng hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hằng năm để xác định tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, làm cơ sở để quản lý thu các loại thuế đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo đúng quy định;

b) Trường hợp, khi tiến hành thực hiện xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số đối với thửa đất hoặc khu đất mà xét thấy giá đất cụ thể xác định bằng phương pháp này (phương pháp hệ số) là chưa phù hợp hoặc có mâu thuẫn với giá đất đã tính để cho thuê hoặc tính để thu tiền sử dụng đất trước đó thì cơ quan Thuế có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan khảo sát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá đất cụ thể bằng một trong các phương pháp định giá đất khác theo quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hoặc kết hợp nhiều phương pháp định giá đất để kiểm tra, so sánh, đối chiếu. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh giá đất cụ thể đối với trường hợp này thì mới thực hiện thông báo tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho người sử dụng đất;

c) Đối với các vị trí đất chưa được xác định tại các bảng Phụ lục kèm theo Quy định này, khi cần xác định giá thì Cơ quan thuế có văn bản đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan xác định mức giá phù hợp, gửi Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể để thẩm định;

d) Xác định và thông báo số tiền người sử dụng đất phải nộp trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với đất nằm ngoài Khu kinh tế mở Chu Lai nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 2, Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai:

a) Căn cứ quy hoạch chi tiết của từng phân khu chức năng trong Khu kinh tế đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh các huyện, thị xã, thành phố, các ngành có liên quan xây dựng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất theo từng khu vực, tuyến đường, vị trí tương ứng với từng mục đích sử dụng đất để địa phương có liên quan tổng hợp gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính. Trên cơ sở đó, các Sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá đất tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất;

b) Căn cứ vào Bảng hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hằng năm, Ban Quản lý xác định, phê duyệt giá đất làm cơ sở tính thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ và Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ Tài chính;

c) Trường hợp, khi tiến hành thực hiện xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số đối với thửa đất hoặc khu đất mà xét thấy giá đất cụ thể xác định bằng phương pháp này (phương pháp hệ số) là chưa phù hợp hoặc có mâu thuẫn với giá đất đã tính để cho thuê hoặc tính để thu tiền sử dụng đất trước đó thì có văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan khảo sát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá đất cụ thể bằng một trong các phương pháp định giá đất khác theo quy định

tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hoặc kết hợp nhiều phương pháp định giá đất để kiểm tra, so sánh, đối chiếu. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh giá đất cụ thể đối với trường hợp này thì mới thực hiện thông báo tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho người sử dụng đất;

d) Đối với các vị trí đất chưa được xác định tại các bảng Phụ lục kèm theo Quy định này, khi cần xác định giá thì Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai có văn bản đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành địa phương có liên quan xác định mức giá phù hợp, gửi Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể để thẩm định;

đ) Xác định và thông báo số tiền người sử dụng đất phải nộp trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với đất nằm trong Khu kinh tế mở Chu Lai nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 2, Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ.

4. Sở Tài chính:

a) Định kỳ hằng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định;

b) Định kỳ 6 tháng đầu năm, cuối năm; trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về việc sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh phù hợp với tình hình biến động giá đất trên thị trường tại địa phương.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, các phòng, Ban chuyên môn liên quan khảo sát, tham mưu Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề xuất hệ số điều chỉnh giá đất hằng năm cho phù hợp với giá chuyển nhượng phổ biến thực tế trên thị trường;

b) Định kỳ 6 tháng đầu năm, cuối năm tổng hợp, báo cáo tình hình biến động giá đất trên thị trường tại địa phương hoặc báo cáo đột xuất do một số vị trí đất, loại đường phố có những thay đổi quy hoạch, do đầu tư nâng cấp hoặc xây dựng mới kết cấu hạ tầng hoặc tại thời điểm xác định giá đất cụ thể xét thấy hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này chưa phù hợp, gửi Sở Tài chính xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh lại hệ số giá đất phù hợp với giá chuyển nhượng phổ biến thực tế trên thị trường.

c) Trường hợp, thửa đất hoặc khu đất đấu giá thuộc đô thị, trung tâm thương mại, dịch vụ, đầu mối giao thông, khu dân cư tập trung có khả năng sinh lợi đặc biệt, có lợi thế trong việc sử dụng đất thì căn cứ tình hình thực tế, Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, các phòng, Ban chuyên môn liên quan xác định giá đất theo phương pháp hệ số,

tham mưu Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã quyết định giá khởi điểm để đấu giá theo thẩm quyền; đồng thời cập nhật, tổng hợp các mức giá tại các vị trí có hệ số tăng cao và có văn bản trình bổ sung hoặc sửa đổi hệ số điều chỉnh giá đất, gửi Sở Tài chính chủ trì kiểm tra, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Xử lý tồn tại

1. Các trường hợp đã kê khai đầy đủ và nộp hồ sơ hợp lệ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định tiền thuê đất trả tiền hằng năm trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nhưng do nguyên nhân khách quan mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa xác định được nghĩa vụ tài chính phải nộp ngân sách nhà nước thì việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo chính sách, pháp luật của từng thời kỳ.

2. Trường hợp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập xong hồ sơ, thủ tục, xác định nghĩa vụ tài chính trước ngày Quyết định này có hiệu lực, nhưng các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chưa có Thông báo nộp tiền thì được tiếp tục nộp tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo quy định trước đó. Trường hợp đã có Thông báo nộp tiền nhưng chậm nộp so với quy định thì thực hiện các biện pháp theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản quy định khác của Nhà nước có liên quan.

3. Các trường hợp tồn tại nêu tại khoản 1 và 2 Điều này, các Sở, ngành, địa phương có liên quan tập trung giải quyết dứt điểm trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

4. Đối với các trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm đã xác định đơn giá mà còn trong thời gian ổn định đơn giá thuê đất, nếu đơn giá thuê đất được xác định trước đây có giá đất cao hơn (hoặc thấp hơn) giá đất khi xác định theo phương pháp hệ số quy định tại Quyết định này thì vẫn thực hiện theo giá cũ đã xác định. Hết thời gian ổn định thì thực hiện điều chỉnh theo quy định, trừ các trường hợp có quy định riêng tại các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp có phát sinh vướng mắc các địa phương, đơn vị tổng hợp báo cáo Sở Tài chính để được hướng dẫn hoặc chủ trì kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo quy định./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Trí Thanh